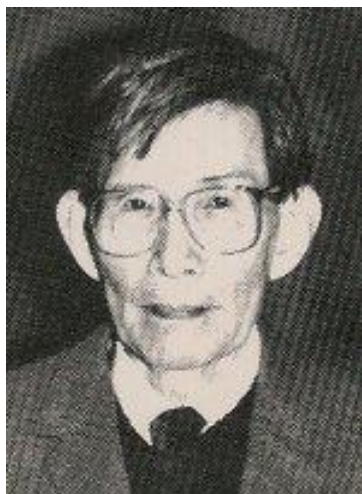


QUỐC TÚY

ĐOÀN THÊM



Nhà biên khảo **Đoàn Thêm**

Tôi hiểu là những phần nào tốt đẹp nhất và cũng riêng biệt nhất của xứ sở và giống nòi.

Song tôi nghĩ rằng sự đánh giá phải tùy chủ quan, khó theo tiêu chuẩn nào chung. Thì cũng như trong nghệ thuật.

May ra thì được người khác đồng ý. Ngược lại, cũng không sao. Dẫu thế nào, tôi cũng dè dặt trong sự phê bình.

Đối với bạn Hợi của tôi, thì cũng là quốc túy, vẻ đẹp thùy mị đoan trang với duyên dáng nhẹ nhàng hay óng ả, và tình tứ kín đáo mà vẫn hấp dẫn, của mỹ nhân Việt xưa nay. Anh từng thấy như vậy, ở vài cô gái quê mang khăn vuông mỏ quạ, ở cô bán hàng tiệm sách Hà Nội 1930, ở nhiều bà trẻ rẽ đường ngói lạch và mặc áo kiểu Cát Tường 1935, ở nữ sinh lững thững trên vỉa hè Sài Gòn 1960, hay vợ một sĩ quan mặc đầm theo mốt Paris 1970... Ở đâu và bao giờ, trong tầng lớp nào, cũng có thể gặp người với vẻ kia, và dẫu trang phục cũ hay mới.

Tôi thông cảm với Hợi, vì cũng như anh, tôi nhận ra vẻ đẹp chung cho nhiều người đẹp Việt Nam, và cũng riêng cho phái đẹp Việt. Tôi còn thấy thế, dù người đẹp thân tròn hay mảnh mai, giàu hay nghèo, có học hay ít chữ. Ngoài ra, mặt hiền thì tính cũng phải lành, và kín đáo thì nhờ thói giữ gìn quen từ thửa nhỏ, như vậy là kết quả giáo dục và di truyền. Không thiếu gì những người đẹp sửa mình theo lối Tây phương, hoặc càng ngày càng giống người đẹp Âu Mỹ: cũng có sức thu hút, nhưng Hợi và tôi không coi vẻ đẹp đó là quốc túy.

Quốc túy của bác sĩ Ty có tính cách thiết thực hơn: chất ngọt và thơm của nhiều trái cây, như cam làng Canh, vải làng Quang, quít Thái Nguyên, hồng Lạng Sơn, nhãn Hưng Yên, bưởi Phú Đơan hay Nghệ An, soài miền Nam... Anh bảo: đó là hương vị đặc biệt của đất và nước Việt Nam. Anh kể cả rau sắng chùa Hương, tôi cũng chịu; nhưng anh khen cả lòng lợn tiết canh, thì tôi mạn phép ngờ... Hợi nhắc anh là còn quế Thanh Hóa mà cụ Lang rất quý, hay cả yến Quảng Nam mà người Tàu tranh nhau mua.

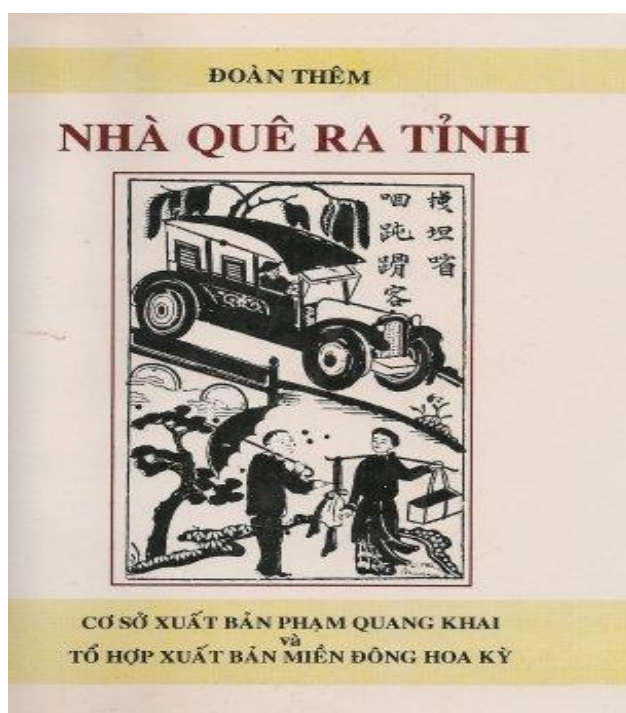
Có bạn hỏi Thân: nếp sống đạo đức của ông cha chúng ta, không phải là quốc túy hay sao?

Nhưng Thân không chịu và tôi cũng dè dặt. Theo Thân, thì đạo đức ấy là của Tàu truyền sang, tuy được châm chước, không phải là thuần túy Việt Nam. Và lại, rất ít người biết hay chịu theo đúng tinh thần Khổng Mạnh, như chúng tôi đã thấy: có những sự sai lầm hoặc bóp méo mà bao người thuộc thế hệ tôi đã phải cố tránh.

Ngoài ra, nhân, nghĩa, lễ, trí, tín, thì ở dân tộc nào chẳng có, nếu đã tới một trình độ văn minh nào đó. Lắm khi, những người tốt của họ còn thật hơn đấng quân tử của ta. Con hiếu, mẹ hiền, vợ ngoan... đâu có thiếu ở các xã hội Âu Mỹ, ngay cách đây mấy ngàn năm, tại Hy Lạp hay La Mã? Chúng ta chưa có và chưa biết bao giờ có những người bác ái như bác sĩ Schweitzer hay bà phước Teresa... Hỡi cũng đồng ý: đạo đức là của chung cho nhân loại, không như vẻ đẹp của phụ nữ đẹp tại Việt Nam hay hương vị mà Tỵ ưa chuộng.

Về phần tôi, quốc túy đáng tin, đáng trọng và đáng ưa nhất, là tiếng Việt và phần kiệt tác đối với tôi trong thi ca Việt.

Vì Việt ngữ là một may mắn đặc biệt mà Tạo Hóa dành cho nòi giống Việt, với một tiềm năng dồi dào cho phép tiến mau, nhất là trên đường văn hóa.



Chúng ta chỉ có một thứ tiếng chung trên khắp nước xưa nay, không như dân nhiều xứ khác. Họ bị chia rẽ hoặc sâu xé vì nói những thổ ngữ khác nhau: người Tàu Bắc Kinh không hiểu người Vân Nam, hay Quảng Đông và ngược lại. Phi Luật Tân, và những cựu thuộc địa Anh như Mã Lai, Tân Gia Ba, Miến Điện, Ấn Độ, Hồi Quốc, Tích Lan,, , phải mượn Anh ngữ làm tiếng chính thức cho toàn quốc. Vì tranh dành ưu quyền cho tiếng nói riêng của họ, dân vùng này kèn cựa va chạm với dân vùng kia, lắm phen đến đổ máu. Tại xứ tiền tiến như Gia Nã Đại, cũng có tranh chấp gay go về tiếng Anh và tiếng Pháp dù cả hai đều được công

nhận. Tại Bỉ, người Wallons và người Flamands lục đục với nhau vì vấn đề ngôn ngữ bất đồng...

Chúng ta tránh được những bất lợi hay tai họa như trên, nhờ có quốc ngữ chung.

Cũng vì thế, mà kiến văn Tây phương được quảng bá mau lẹ, đồng thời văn hóa Việt thừa xưa đã có thể duy trì và phổ biến. Con cháu ngày nay còn biết đến những tác phẩm đáng lẽ mai một từ hồi Pháp thuộc, vì ông cha chỉ viết bằng chữ Hán hay chữ Nôm. Nhờ quốc ngữ, từ cuối thế kỷ trước, nhiều sử sách và thi văn cổ được sao chép và dịch ra, khiến các lớp người Tây học hiểu nổi.

Chữ Việt theo tự mẫu (alphabet) La Tinh, lại thuộc loại độc âm (monosyllabique) nên dễ bồi bổ để thành phong phú, bằng cách lấy hần chữ cùng loại như của Tàu, hoặc Việt hóa các danh từ chuyên môn Tây phương, nên ta sớm có đủ tiếng dùng trên các địa hạt khoa học, kỹ thuật, kinh tế, tài chính, luật pháp, hành chính... Chương trình học bằng Việt ngữ vì thế đã được áp dụng từ 1945, và giúp các thế hệ trẻ biết nhiều hơn về sử Việt, văn chương và phong tục Việt.

Việt ngữ giản dị nên dễ học hơn chữ Tàu chữ Pháp. Chỉ học vài tháng, là trẻ thơ biết đọc biết viết, và nhiều người lớn tuổi từng bị mù chữ, cũng xem được nhật báo hay tiểu thuyết. Đây là lợi điểm rất đáng kể về mặt giáo dục quần chúng.

Ngoài công dụng thiết thực như trên, Việt ngữ còn có tính chất riêng để có thể coi là tiếng nói của tình cảm, hay của nhà thơ. Điều này sẽ dễ hiểu hơn, nếu so sánh thơ ta và thơ Pháp.

Tình cảm là sự tự nhiên, thì chỉ có thể bày tỏ thành thực bằng tiếng và giọng tự nhiên. Dần - hời trẻ ưa và phục Pháp- đến nỗi chỉ dùng tiếng Pháp để nói riêng với vợ những chuyện thân mật nhất. Rồi về sau, anh phải thú thật: trong những lúc âu yếm, anh bảo vợ "*Je t'aime*" tức tôi yêu, và gạn hỏi vợ "*M'aimes-tu?*", có yêu tôi không? Song vợ thường chỉ là người im lặng, rồi có khi, tới giây phút nào đó, mới khẽ thở dài ra một tiếng "Yêu! "... Dần thấy bủn rủn cả người và ôm vợ chặt hơn. Anh cho biết là thắm thía bằng mấy những bạn anh cố giục để Vân đành chiều ý mà nói "*Je t'aime*". Bởi thế, anh chỉ còn tâm sự với vợ bằng tiếng mà cụ Tuần bà đã dạy anh bập bẹ từ tuổi biết đi.

Tôi từng có dịp báo Dần: chúng ta đã rung động theo nhịp du dương của Lamartine, chưa quên những tiếng hồn nhiên thánh thót của Verlaine, mơ màng nghe điệu lạ lùng của Mallarmé... Dần càng ngày viết văn Pháp càng giỏi, mấy giáo sư Pháp xưa kia khen Dần, nay bảo rằng đáng lẽ Dần phải học tiếp để đậu thạc sĩ văn chương. Nhưng Dần lại hay làm thơ Pháp theo lối những thi nhân vừa kể, cố nói lên những nỗi niềm yêu người nhớ cảnh, thì "*nó làm sao ấy*"... quả như Hợi thấy. Lại có bài bị Ty chê là "không thơm": có thể vì tính Ty bộp chộp và vốn không ưa thích thơ bao giờ.

Anh cho biết anh rất cần bộc lộ và chỉ quen nghĩ bằng tiếng Pháp. Tôi khuyên anh nên đọc thi văn Việt Nam, rồi sau này làm thơ Việt. Anh chịu nghe, rồi thấy thích. Dần rất nhạy cảm và có thừa năng khiếu. Bảy năm sau, bị xúc động mạnh vì thời cuộc bắt buộc di cư vào miền Nam, anh làm thơ Việt song chỉ cho vài bạn biết thôi. Hợi và tôi đồng ý là anh không kém bao nhiêu Xuân Diệu hay Vũ Hoàng Chương, đôi khi còn hơn phần nào: thơ anh không

"Tây" như nhiều bài của tác giả "Thơ thơ", và bình dị hơn họ Vũ trong những đề tài lịch sử hay vũ trụ.

Dần nhận ra với chúng tôi rằng người nước nào chỉ có thể làm thơ bằng tiếng nước ấy, ngược lại là giả tạo và phản nghệ thuật.

Chất thơ nếu có, gắn liền với tiếng mẹ đẻ. Cũng vì thế, mà tôi không dám dịch thơ ngoại quốc ra thơ tiếng Việt, chỉ dịch ra văn xuôi để cho hiểu qua mà thôi. Cai Trị kiêm văn sĩ Crayssac đã dịch cả truyện Kiều thành thơ "alexan-drin" của Pháp: nhiều công phu đấy, nhưng tôi chẳng còn thấy đâu chất thơ của Nguyễn Du. Đọc những bài thơ Việt dịch thơ Đường, nhiều khi tôi nhận là khéo, song tôi không còn cảm xúc như khi đọc nguyên bản của Trương Kế hay Vương Duy...

Làm thơ bằng hai thứ tiếng, Dần mới tìm ra như tôi đã mách, những điểm khác nhau giữa hai lối diễn tả và những đặc sắc của Việt ngữ.

Thơ hay của Pháp khi tả cảnh và tự tình, thường gợi những hình ảnh đẹp, nhưng bằng nhiều chữ, nên cho cảm tưởng là rõ nét đậm màu và như thế, chất thực có khi làm giảm chất thơ. Càng như vậy, vì câu cú hợp lý quá, vẫn phải đúng văn phạm như trong văn xuôi với những tiếng phụ Và (et), Bởi (par), Vì (car), Nếu (si), Khi (quand)... Những chữ nối chữ vào vế và nối vế thành câu, không khác nào những vòng nối nhau thành một chuỗi xích.

Trái lại, thơ Việt cũng như thơ Tàu hay tranh thủy mặc: vài nét lơ thơ cũng đủ cho tưởng tượng; số chữ trong câu có hạn: 4, 5, 7, hay trên 6 dưới 8... nên phải tránh chữ phụ để dành chỗ cho những chữ chính và đẹp. Có thể nói trống không, không chủ từ, không túc từ, tuy vậy hay bởi vậy mà câu nhẹ nhàng, lời bóng gió dễ đưa vào mộng.

Việt ngữ lại có hai ưu điểm đặc biệt rất lợi cho thi ca.

Trước hết, tiếng ta có năm âm ghi trên mặt chữ bằng năm dấu Sắc, Huyền, Hỏi, Ngã, Nặng: các giọng khác nhau thì câu mềm dẻo dễ thành vần điệu để ngâm nga.

Hơn nữa, có những chữ kép, ghép theo âm hưởng thuận tai, giúp cho gợi hoặc gây những cảm xúc mông lung, tế nhị, hứng thú hay sầu bi khó nói nên lời (*l'ineffable*): theo thi sĩ Pháp Paul Valéry, thì đó mới là thuần chất của Thơ. Những tiếng đáng kể, không có trong ngôn ngữ Pháp hay Tây phương: như băng khuâng, lằng lằng, hắt hiu, man mác, nhớ nhung, náo nùng, vẫn vơ...

Phát phơ gió trúc, *dặt dìu* mưa hoa

(Bích Câu kỳ ngộ)

Lơ thơ tơ liễu buông màn

(Truyện Kiều)

Tôi có lần thách Dần và nhiều bạn tìm ra chữ Pháp nào tương đương với "*bê bàng*" trong câu:

Bê bàng mây sớm đèn khuya

Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng.

(Truyện Kiều)

Không có gì như vậy trong tiếng Pháp, thơ Pháp hay đúng hơn, trong tâm hồn Pháp. Chỉ Nguyễn Du và chúng ta biết tâm trạng đó, thì chỉ tiếng "*bê bàng*" mới gợi được thôi.

Cũng như bao người, tôi coi truyện Kiều là một kiệt tác. Duy phần thơ mà tôi thích nhất, chỉ gồm những câu hay mà không mang dấu vết Tàu nào, chữ sách Tàu, điển tích Tàu; như trong đoạn trích ra đây, tả tiếng đàn của Kiều:

Kê Khang này khúc Quảng Lăng

Một rằng lưu thủy, hai rằng hành vân

Quá quan này khúc Chiêu Quân

Nửa phần luyện chúa, nửa phần tư gia

Tôi bỏ qua những câu như thế, nhưng thuộc mấy câu như sau:

Trong như tiếng hạc bay qua

Đục như nước suối mới sa nửa vơi

Tiếng khoan nhuốm thoảng ngoài

Tiếng mau sầm sập như trời đổ mưa

Ngọn đèn khi tỏ khi mờ...

Tất nhiên tôi ưa vì thấy hay, song nhất là vì cái hay đó nằm trong những câu gồm toàn tiếng Việt. Tôi mừng và càng tin rằng Việt ngữ cho phép đi tới những vần điệu như trên. Tính chất và khả năng nghệ thuật đó không hề chịu ảnh hưởng Tàu, đưa tiếng Việt và hoàn toàn Việt lên hàng quốc túy.

Cũng đáng là quốc túy, một số khá nhiều trong các ca dao tục ngữ của ta. Đây là tiếng hồn nhiên của những chân tình mộc mạc, nói lên buồn vui, thương nhớ, yêu ghét, ước mơ của những con người chất phác muốn sống yên lành và theo lẽ phải. Những lời nôm na, dù thu gọn trong ba bốn chữ, ngộ nghĩnh hoặc mỉa mai sâu sắc, cũng chứa đựng sự thật và điều khôn mà một phần vẫn còn giá trị, tuy đã bắt nguồn từ cuộc sống mấy ngàn năm trên đồng ruộng quê hương... (Ai muốn biết rõ, hãy đọc *Phong Dao Tục Ngữ* của Nguyễn Văn Ngọc, hoặc *Gương Phong Tục* của Đoàn Duy Bình).

Tôi thường nghe ngoại ngữ hay đọc ngoại văn hàng ngày, nhưng ưa hay ghét, khen hay chê, thì cứ thấy ngay tiếng Việt trong đầu óc: như "*biết điều đấy*" khi nghe một chính khách Pháp tuyên bố trên đài truyền hình tại Paris... hay "*cù lần*", sau khi xem qua một mục báo Anh ngữ... Không bao giờ tôi nói hay nghĩ "O.K." như một cháu tôi. Xưa kia, cũng thế: ngoài những lúc phải viết ngoại văn, luôn luôn tôi nghĩ bằng tiếng Việt, như thể nói thầm với mình bằng tiếng đó.

Cho nên có lần tôi tự hỏi: tiếng Việt là phương tiện cho tôi biểu lộ ý kiến hay tình cảm, hay là chất sống động của tâm hồn tôi? Dù sao, sau khi viết xong một bức thư hay một bài văn, nếu nói ra được đúng ý tôi, thì tôi lại cảm thấy mình là người Việt.

Đoàn Thêm

Trích: Nhà Quê Ra Tinh

Cơ sở xb Phạm Quang Khai và Tổ hợp xb Miền Đông Hoa Kỳ

Nguồn: http://www.hocxa.com/VanHoc/TacGia-1/DoanThem_QuocTuy.php

www.vietnamvanhien.org



VIỆT NAM VĂN HIẾN

www.vietnamvanhien.info



TỦ SÁCH VĂN HIẾN ONLINE VỚI HƠN 10800 TÁC PHẨM